TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HÒA** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **94**/2024/QĐST-DS	*Biên Hòa, ngày 28 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **26**/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K.

Trụ sở: Số 6, Phố Q, Phường T, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Hồ Hùng A ủy quyền cho ông Trần Nhật Q – Giám đốc Xử lý nợ thuộc Khối Quản trị rủi ro (Theo văn bản ủy quyền số 0221/QĐ-HĐQT ngày 31/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K).

Ông Trần Nhật Q uỷ quyền lại cho ông Phạm Văn P, sinh năm 1996 – Chức vụ: Chuyên viên. (Theo văn bản uỷ quyền số 1030-02/2023/GUQ-TCB ngày 17/10/2023).

Địa chỉ: Tầng lửng, Toà nhà T, số 92, N, Phường C, Quận B, Thành phố H.

*** Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1977.
2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 1423/51/25/21, đường B, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty Cổ phần V.

Trụ sở: Đảo H, phường V, thành phố N, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Bà Võ Thị Phương T – Phó tổng giám đốc.
2. Bà Đặng Thanh T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
3. Ông Nguyễn Đình N – Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Nguyễn Đức Đ và bà Phạm Thị N có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2024 là **9.846.687.991đ** (Chín tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm chín mốt đồng). Trong đó, nợ gốc: 8.028.776.318đ, nợ lãi: 1.817.911.673đ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Đức Đ và bà Phạm Thị N chưa thanh toán xong các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì bắt đầu từ ngày 21/5/2024, ông Đ và bà N còn phải trả các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký Hợp đồng tín dụng TCU20172207/HĐTD ký ngày 27/9/2017, Khế ước nhận nợ số TCU2017220701 ký ngày 09/11/2017; Khế ước nhận nợ số TCU2017220702 ký ngày 09/11/2017; Hợp đồng tín dụng TCU20170067/HĐTD ký ngày 5/1/2017; Khế ước nhận nợ số TCU2017006701 ký ngày 16/1/2017.

Tài sản thế chấp là căn B có địa chỉ tại Lô G, Khu Đ, đảo H, phường V, thành phố N, tỉnh K; tại thửa đất số 606, tờ bản đồ số 64; theo Giấy chứng nhận số CI 736549, Số vào sổ cấp GCN: CT-13817 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 29/8/2017, Cập nhập đổi chủ sở hữu ngày 26/6/2018. (*Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TCU2018873928/HDTC được lập và ký kết ngày 15/3/2019, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai – Thành phố N*).

Tài sản thế chấp trên tiếp tục được xác định là tài sản đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của ông Nguyễn Đức Đ, bà Phạm Thị N cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K theo Hợp đồng tín dụng TCU20172207/HĐTD ký ngày 27/9/2017, Khế ước nhận nợ số TCU2017220701 ký ngày 09/11/2017; Khế ước nhận nợ số TCU2017220702 ký ngày 09/11/2017; Hợp đồng tín dụng TCU20170067/HĐTD ký ngày 5/1/2017; Khế ước nhận nợ số TCU2017006701 ký ngày 16/1/2017. Trường hợp, ông Đ, bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đúng hạn các khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp trên.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông/bà Nguyễn Đức Đ và Phạm Thị N đối với Ngân hàng TMCP K không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông/bà Nguyễn Đức Đ và Phạm Thị N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K.

3. Về án phí DS-HGT: Bị đơn ông Nguyễn Đức Đ, bà Phạm Thị N tự nguyện nộp số tiền **58.923.000đ** (Năm mươi tám triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền **58.952.534đ** (Năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002029 ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Trương Thị Diệp